

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I
MÔN: VẬT LÝ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức, kĩ năng	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Mở đầu	1.1. Làm quen với Vật lý	Nhận biết: - Nêu được đối tượng nghiên cứu chủ yếu của vật lí. - Biết được các thành tựu nghiên cứu của vật lí tương ứng với các cuộc cách mạng công nghiệp - Nêu được được các quá trình phát triển của vật lí - Nêu được phương pháp nghiên cứu vật lí.	1			

		1.2. Các quy tắc an toàn trong thực hành Vật lí 1.3. Thực hành tính sai số trong phép đo. Ghi kết quả	Nhận biết: - Nêu được các nguy cơ mất an toàn trong sử dụng thiết bị thí nghiệm vật lí. - Nêu được các quy tắc an toàn trong phòng thực hành. - Nêu được phép đo trực tiếp và phép đo gián tiếp - Biết được các loại sai số của phép đo - Nêu được một số nguyên nhân gây ra sai số khi tiến hành thí nghiệm vật lí - Biết được công thức giá trị trung bình, sai số tỉ đối, sai số tuyệt đối Thông hiểu: Cách ghi đúng kết quả phép đo và sai số phép đo. - Tính được sai số tuyệt đối và sai số tỉ đối của phép đo.	1	1		
2		2.1. Độ dịch chuyển và quãng đường đi	Nhận biết: - Nêu được độ dịch chuyển là gì? - So sánh được độ dịch chuyển và quãng đường đi được. Thông hiểu: - Xác định được độ dịch chuyển và quãng đường	1	1		

			đi được				
	Động học	2.2. Tốc độ và vận tốc	Nhận biết: - Biết được ý nghĩa và công thức của tốc độ trung bình. - Biết tốc độ tức thời. - Biết cách đo tốc độ trong cuộc sống và trong phòng thí nghiệm. - Nêu được định nghĩa vận tốc và viết được công thức tính vận tốc - Biết được công thức cộng vận tốc.. Thông hiểu: - Tính được tốc độ trung bình. - Phân biệt được tốc độ và vận tốc. - Xác định được vector vận tốc.	1	1		
		2.3. Thực hành đo tốc độ của vật chuyển động	Nhận biết - Nêu được ưu điểm và nhược điểm khi sử dụng đồng hồ đo thời gian hiện số và cổng quang điện - Ý nghĩa của việc sử dụng hai cổng quang điện	1			
		2.4. Đồ thị độ dịch chuyển và thời gian	Nhận biết: - Mô tả được chuyển động của vật dựa vào đồ thị dịch chuyển – thời gian. Thông hiểu: – Tính được tốc độ từ độ dốc của đồ thị độ dịch	1	1		

			chuyển – thời gian. - Xác định được vị trí và vận tốc của vật ở bất kì thời điểm nào dựa vào đồ thị				
		2.5. Chuyển động biến đổi. Gia tốc	Nhận biết: - Biết được thế nào là chuyển động biến đổi. - Biết được khái niệm gia tốc, công thức tính gia tốc và đơn vị của gia tốc. Thông hiểu: - Tính được độ biến thiên vận tốc, gia tốc của chuyển động - Phân biệt được chuyển động nhanh dần và chậm dần dựa vào vận tốc và gia tốc.	1	1		
		2.6. Chuyển động thẳng biến đổi đều	Nhận biết - Biết được định nghĩa của chuyển động thẳng biến đổi đều - Biết được định nghĩa chuyển động nhanh dần đều và chuyển động chậm dần đều - Biết được các công thức của chuyển động thẳng biến đổi đều Thông hiểu - Sử dụng được các công thức để tính được vận tốc, gia tốc, độ dịch chuyển của vật	1	1		
		2.7. Sự rơi tự do	Nhận biết:	1		1	

		2.8. Thực hành đo gia tốc rơi tự do	Nêu được sự rơi tự do là gì và tính chất của chuyển động rơi tự do - Viết được công thức tính vận tốc và quãng đường đi của chuyển động rơi tự do - Nêu được đặc điểm về gia tốc rơi tự do -Viết được công thức tính sai số của phép đo và cách ghi kết quả. Vận dụng: Vận dụng giải các bài toán đơn giản về chuyển động rơi tự do.				
		2.9.Chuyển động ném	Nhận biết: - Nêu được khái niệm chuyển động ném ngang. - Viết được phương trình của các chuyển động thành phần. Thông hiểu: - Xác định được thời gian rơi và tầm ném xa của vật bị ném ngang. - So sánh thời gian rơi của vật bị ném ngang ở những độ cao khác nhau. Vận dụng cao: - Vận dụng giải các bài toán nâng cao về chuyển động ném.	1	1		1
3	Động lực		Nhận biết:	1			

	học	3.1. Tổng hợp và phân tích lực. Cân bằng lực.	- Biết được thế nào là phép tổng hợp lực và phép phân tích lực. - Nêu được khái niệm về các lực cân bằng, không cân bằng. - Biết được quy tắc hình bình hành lực.				
		3.2. Định luật 1 Newton	Nhận biết: - Nhận biết được rằng lực không phải là yếu tố cần thiết để duy trì chuyển động của các vật. - Phát biểu được định luật 1 Newton. - Nhận biết được quán tính là gì. Thông hiểu: - Vận dụng định luật 1 Newton và quán tính để giải thích một số hiện tượng liên quan.	1	1		
		3.3. Định luật 2 Newton	Thông hiểu: - Hiểu được biểu thức định luật 2 Newton để giải thích sự phụ thuộc của gia tốc vào lực tác dụng và khối lượng của vật. - Hiểu được mối quan hệ giữa khối lượng và quán tính của vật. Vận dụng: - Vận dụng biểu thức định luật 2 Newton để giải các bài toán đơn giản.		1	1	
			Nhận biết: - Phát biểu được định luật 3 Newton	1	1		

		3.4. Định luật 3 Newton	- Nêu được đặc điểm của lực và phản lực. Thông hiểu: - Vận dụng định luật 3 Newton để giải thích một số hiện tượng thực tế.				
		3.5. Trọng lực và lực căng	Nhận biết: - Nêu được định nghĩa trọng lực, trọng lượng. - Nêu được đặc điểm của trọng lực. - Nêu được đặc điểm của lực căng.	1			
		3.6. Lực ma sát	Nhận biết: - Biết được lực ma sát nghỉ và ma sát trượt xuất hiện khi nào. - Nêu được các đặc điểm của lực ma sát nghỉ và ma sát trượt. - Viết được công thức tính lực ma sát trượt. Thông hiểu: - Hiểu được hệ số ma sát trượt phụ thuộc vào yếu tố nào. - Hiểu được tác dụng có lợi, có hại của lực ma sát trong đời sống và kĩ thuật.	1	1		
			Nhận biết - Nhận biết được hướng của lực cản và các yếu tố ảnh hưởng đến độ lớn của lực cản. - Nhận biết được tác dụng của lực cản. - Biết được lực nâng của chất lưu xuất hiện khi	1	1		

		3.7. Lực cản và lực nâng	nào và tác dụng của nó. Thông hiểu: - Phân biệt được lực đẩy Acsimet và lực nâng mà chất lưu tác dụng lên vật chuyển động. - Hiểu được ảnh hưởng của lực nâng và lực cản trong các chuyển động thực tế.				
		3.8. Một số ví dụ về cách giải các bài toán thuộc phần động lực học	Vận dụng cao: - Vận dụng phương pháp động lực học để giải bài toán nâng cao .				1